BÀI 3: TRÁI CHÍN (tiết 11 – 14, SHS, tr.50 – 52)

I. MỤC TIÊU

1. Giải được câu đố về các loại trái cây; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp, đặc điểm riêng của các loại trái cây khi chín*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình*; biết nêu màu sắc của một số loại hoa, quả thường gặp và nói được câu tả màu sắc của loại hoa, quả đó.

3. Viết đúng chữ *V* hoa và câu ứng dụng.

4. Tìm được từ ngữ chỉ màu sắc; điền đúng dấu chấm, dấu chấm than và đặt được câu thể hiện sự ngạc nhiên.

5. Thực hiện được trò chơi *Nhìn hình đoán trái*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Bảng phụ ghi khổ thơ thứ hai và ba.

– Mẫu chữ viết hoa *V*.

– Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

– Thẻ màu, ảnh hoặc vật thật một số loại trái cây.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thi đố bạn về các loại trái cây mà em biết theo mẫu gợi ý.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Trái chín*.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: tên gọi, đặc điểm riêng của mỗi loại trái cây có trong bài.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc thong thả, vui tươi).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xù xì, chín, tàn nhang, lấm chấm, xa-pô-chê,...* ; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *lấm chấm* (có nhiều chấm nhỏ rải rác), …

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài: *Miêu tả vẻ đẹp, đặc điểm riêng của các loại trái cây khi chín.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại khổ thơ thứ hai và ba.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp khổ thơ thứ hai và ba.

– HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).

– HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Bảng màu kì diệu.*

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ: nêu màu sắc của hoa hồng, thanh long, xoài, hoa lay ơn; nói câu tả màu sắc của một loài hoa hoặc quả mình chọn (*Lưu ý*: HS có thể chọn màu hồng vàng, đỏ, tím, xanh; xoài: màu vàng (xoài cát, xoài thanh ca, xoài thơm), màu xanh (xoài tượng, xoài Thái);… GV không gò ép HS theo những màu thường thấy, chỉ nhắc nhở hướng dẫn khi HS chọn/ nói màu, câu có nội dung ảnh hưởng đến thuần phong mĩ tục).

– HS thực hiện vào VBT.

– HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả (GV có thể tổ chức trò chơi tiếp sức/ truyền điện).

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ V hoa

– HS quan sát mẫu chữ *V* hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ *V* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *V* hoa.

– HS viết chữ *V* hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ *V* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Văn hay chữ tốt.*

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *V* hoa, cách nối nét từ chữ *V* hoa sang chữ *ă.*

– HS quan sát cách GV viết chữ *Văn.*

– HS viết chữ *Văn* và câu ứng dụng *Văn hay chữ tốt* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Việt Nam đẹp khắp trăm miền
Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
Lê Anh Xuân

– HS viết chữ *V* hoa, chữ *Việt* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS quan sát tranh và tìm từ ngữ chỉ màu sắc cho các sự vật trong tranh; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ (Đáp án: *hoa sen hồng nhạt/ hồng tươi/ hồng phớt..., hoa cúc vàng tươi/ vàng rực/ vàng như nắng..., con sóc nâu/ nâu nâu/ nâu đỏ..., con bò vàng/ lông vàng sậm..., con quạ đen/ đen thui/ đen nhánh/... Lưu ý:* HS có thể nêu từ ngữ chỉ màu sắc theo năng lực quan sát của từng em, GV ghi nhận, khuyến khích, không gò ép HS nêu theo từng từ).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

4.1. Đặt câu có từ ngữ chỉ màu sắc

– HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc lại các từ ngữ ở BT 3.

– HS đặt câu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS viết 1 – 2 câu vừa đặt vào VBT.

4.2. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm than

– HS xác định yêu cầu của BT 4b, đọc thầm đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm đôi, xác định vị trí đặt dấu chấm hoặc dấu chấm than phù hợp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS đọc lại đoạn văn sau khi đã điền dấu câu.

4.3. Viết câu có sử dụng dấu chấm than

– HS xác định yêu cầu của BT 4c.

– HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

– HS viết vào VBT.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi* ***Nhìn hình đoán trái***.

– HS nghe GV hướng dẫn cách chơi.

– HS quan sát hình gợi ý, nêu tên của một số loại trái cây có màu sắc, hình dáng tương tự như hình gợi ý. VD: hình tròn, màu cam → quả cam,…

– HS nêu cảm nghĩ sau khi chơi trò chơi hoặc nói về đặc điểm riêng của một loại trái cây mà em thích.